

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 8 - 2021.

V/v: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/08/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về vụ án kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - DS ngày 02/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng Nh - Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Xóm 14 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Đàm Văn Tr - Sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Xóm 14 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Nh, vắng mặt anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/01/2021 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng Nh trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị kết hôn với anh Đàm Văn Tr vào tháng 02/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 khi chị sinh cháu Đàm Chí B. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt vợ chồng và trong làm ăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không

được cải thiện, do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018, trong thời gian vợ chồng ly thân, anh Tr không quan tâm đến chị và con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Văn Tr. Về con chung chị xác định vợ chồng có 02 con chung cháu Đàm Bảo Ng sinh ngày 17/02/2003 và Đàm Chí B sinh ngày 12/11/2014 kể từ khi vợ chồng ly thân cả hai con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn cháu Ng đã đủ 18 tuổi theo quy định pháp luật không phải giải quyết cấp dưỡng nuôi cháu, cháu B chưa đủ 18 tuổi chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Đàm Văn Tr mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Tr cố tình không nhận và không cho gia đình (mẹ đẻ anh Tr là bà T) nhận thay. Vì vậy Tòa án huyện cùng với chính quyền xã N đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa chị Nh và anh Tr không còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử ly hôn. Về con giao cháu Đàm Chí B sinh ngày 12/11/2014 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh, tài sản chung chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Nh phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Đàm Văn Tr và chị Phạm Thị Hồng Nh đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N huyện N, tỉnh Nam Định, việc chị Nh có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Anh Đàm Văn Tr đã được tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt và là lần vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Tr là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Đàm Văn Tr vào tháng 02/2002 được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt và trong làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018, trong thời gian ly thân cả hai không quan tâm đến nhau. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Tr đã biết nhưng cố tình không hợp tác giải quyết vụ án Tòa án và chính quyền xã N đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Tr. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Đàm Văn Tr ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị Nh xin ly hôn anh Tr xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng Nh xác định giữa chị và anh Tr có 02 con chung là cháu Đàm Bảo Ng sinh ngày 17/02/2003 và Đàm Chí B sinh ngày 12/11/2014 kể từ khi vợ chồng ly thân cả hai con chung do chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn cháu Ng đã đủ 18 tuổi theo quy định pháp luật không phải giải quyết cấp dưỡng nuôi cháu Ng. Cháu B chưa đủ 18 tuổi kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay đang do chị Nh nuôi dưỡng anh Tr không quan tâm gì. Nay vợ chồng ly hôn chị Nh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu B và không yêu cầu anh Tr đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị. Mặt khác cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với chị Nh. Thấy nguyện vọng của chị Nh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phạm Thị Hồng Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Hồng Nh phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Đàm Văn Tr.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Đàm Chí B sinh ngày 12/11/2014 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Hồng Nh phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001870 ngày 28/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương